

Phụ lục
PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định								
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện		
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện
I	TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; CỦA VĂN PHÒNG QUẬN, HUYỆN ỦY LÀ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN									
1	Mua sắm									
1.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp ngân sách)	x								
1.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp ngân sách)		x							
1.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp ngân sách)			x						
1.4	Tài sản công khác									
1.4.1	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)		x							
1.4.2	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 02 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)			x						
1.4.3	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 100 triệu đồng đến 02 tỷ đồng (theo cấp ngân sách)				x	x			x	
1.4.4	Giá trị danh mục (gói) mua sắm đến 100 triệu đồng (theo cấp ngân sách)				x	x	x			x
2	Thuê									
2.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp ngân sách)			x						
2.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (theo cấp ngân sách)			x				x		
2.3	Tài sản công khác									
2.3.1	Giá trị gói đi thuê trên 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)		x							
2.3.2	Giá trị gói đi thuê trên 02 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)			x						
2.3.3	Giá trị gói đi thuê trên 100 triệu đồng đến 02 tỷ đồng (theo cấp ngân sách)				x	x			x	
2.3.4	Giá trị gói đi thuê đến 100 triệu đồng (theo cấp ngân sách)				x	x	x			x

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định								
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện		
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện
3	Thu hồi									
3.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)		x							
3.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)		x							
3.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)		x							
3.4	Tài sản công khác	Cấp trên của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm sẽ là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi; riêng UBND thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản công khác do mình quyết định mua sắm								
4	Điều chuyển									
4.1	Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam									
4.1.1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)		x							
4.1.2	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x						
4.1.3	Tài sản công khác (không phân biệt cấp quản lý)			x						
4.2	Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố tương ứng với phạm vi quản lý của từng cấp									
4.2.1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)			x						
4.2.2	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x						
4.2.3	Tài sản công khác (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x	x	x	x		x	x
5	Bán									
5.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)	x								
5.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)			x						
5.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x						
5.4	Tài sản công khác	Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm (theo phạm vi quản lý của từng cấp) cũng là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công								
6	Thanh lý									
6.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)			x						

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (trương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định								
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện		
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện
6.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phân biệt cấp quản lý)			x						
6.3	Công trình, vật kiến trúc khác (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x				x		
6.4	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x						
6.5	Tài sản công khác									
6.5.1	Nguyên giá trên 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (không phân biệt cấp quản lý)			x						
6.5.2	Nguyên giá từ 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x		x		
6.5.3	Nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x		x	
6.6	Tài sản công khác có nguyên giá đến 100 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x			x
7	Tiêu hủy tài sản công (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x					x	
8	Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:									
8.1	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x						
8.2	Tài sản công khác									
8.2.1	Nguyên giá trên 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (không phân biệt cấp quản lý)			x						
8.2.2	Nguyên giá từ 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x		x		
8.2.3	Nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x		x	
8.2.4	Nguyên giá đến 100 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x			x
II	TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC									
1	Giao, điều chuyển, mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước			x				x		
2	Xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt			x				x		
III	TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI									
1	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác		x					x		
2	Thu hồi			x				x		
3	Điều chuyển			x				x		
4	Bán (không phân biệt cấp quản lý)			x						

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (trương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định								
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện		
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện
5	Thanh lý			x					x	
6	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại			x					x	
IV	TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN									
1	Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản									
1.1	Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản			x						
1.2	Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x					x	
1.3	Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động			x						
1.4	Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giải thể			x					x	
1.5	Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý			x					x	
2	Phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân									
2.1	Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính									
2.1.1	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 vụ việc			x						
2.1.2	Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/ 01 vụ việc (trương ứng với cấp cơ quan ra Quyết định tịch thu)						x		x	
2.2	Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu									
2.2.1	Công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 vụ			x						
2.2.2	Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/ 01 vụ						x		x	
2.3	Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng			x						

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định									
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện			
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện
2.4	Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP									x	
2.5	Tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
2.6	Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết			x							
2.7	Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân			x						x	
2.8	Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
V	SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG (Bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Thành phố quản lý)			x							

Ghi chú:

- Riêng đối với mua sắm tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) và thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu đơn vị tự quyết định.
- Việc quản lý vận hành tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Điều 11, Điều 41 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.
- Thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công được thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP:
 - Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công;
 - Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp thay đổi cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản công./.